

Bản án số: 188/2017/DS-PT
Ngày: 07/7/2017
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Bảo Vĩnh;

Ông Bùi Thế Linh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên, thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai, phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 06/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, do có kháng cáo của bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 02/DS-ST/2016 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1917/2017/QĐ - PT ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Vụ án có các đương sự sau:

*** Nguyên đơn:**

1. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1963;

2. Chị Trần Quỳnh L, sinh năm 1986;

3. Anh Trần Ngọc Đ, sinh năm 1989;

4. Anh Trần Quyết Ch, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Thôn TL7, xã HĐ, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

5. Chị Trần Thị Kim, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Phúc Hòa 1, xã HĐ, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Kim, chị Liên, anh Đức, anh Chí: Bà Phạm Thị C - mẹ đẻ (*Văn bản ủy quyền tại các bút lục từ 27 - 30*).

*** Bị đơn:** Ông Trần Xuân Th, sinh năm 1971 và bà Đinh Thị Oanh, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Thôn TL7, xã HĐ, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tr, chủ tịch UBND huyện; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Đ, phó chủ tịch UBND huyện YB (*Theo Giấy ủy quyền số 1046/GUQ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện YB - Bút lục số 192*).

*** Người kháng cáo:** Bị đơn - ông Trần Xuân Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2016 và các bản tự khai, nguyên đơn là bà Phạm Thị C cùng các đồng nguyên đơn khác trình bày:

Vào khoảng năm 1989 - 1990, do có mâu thuẫn với mẹ chồng nên gia đình bà Phạm Thị C ra khai phá khoảng 500m² đất (bao gồm cả đất hành lang giao thông) để làm nhà ở và quán bán hàng, sửa xe đạp, trồng cây cối tại thôn TL7, xã HĐ, huyện YB. Trong quá trình sử dụng đất gia đình bà đã trồng 03 bụi tre, 01 cây bàng, ngoài ra còn trồng các loại cây khác nhưng do đất dốc, nhiều đá nên cây trồng không phát triển được. Gia đình bà đã sinh sống trên đất này liên tục, không tranh chấp với ai. Năm 1999, chồng bà C là ông Trần Ngọc Phôm nặng nên gia đình bà chuyển về sống cạnh gia đình mẹ ông Ph để tiện chăm sóc. Tuy không trực tiếp ở nhưng gia đình vẫn thường xuyên sử dụng đất. Tháng 01/2001, ông Ph chết, giữa gia đình bà C với gia đình ông Trần Xuân Th bắt đầu xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Khi đó, đại diện thôn TL7 đã hòa giải tranh chấp giữa hai gia đình. Do là mâu thuẫn nhỏ nên khi hòa giải tranh chấp cán bộ thôn đã không lập thành văn bản. Tuy nhiên sau đó giữa hai gia đình vẫn thường xuyên có các tranh chấp, mâu thuẫn liên quan đến quyền sử dụng đất. Đến năm 2012 giữa hai gia đình xảy ra mâu thuẫn lớn nên Ủy ban nhân dân xã HĐ đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng không thành; cũng tại thời điểm này bà mới biết ông Trần Xuân Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc phần đất gia đình bà đã khai phá, sử dụng. Sau đó, bà C đã khiếu kiện nhiều nơi nhưng không được giải quyết dứt điểm nên đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Trần Xuân Th trả lại cho gia đình bà 328,5m² đất đang có tranh chấp ở thôn TL7, xã HĐ, huyện YB. Đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V587737, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01485 QSDĐ/QĐ458/UBH ngày 19/11/2002 của Ủy ban nhân dân huyện YB cấp cho hộ ông Trần Xuân Th sử dụng 2.000m² đất trồng cây lâu năm ở tại thôn TL7, xã HĐ huyện YB trong đó có 328,5m² đất của gia đình bà hiện đang có tranh chấp. Bởi vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã thụ lý, giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

Ngày 26/8/2016, bà Phạm Thị C thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung “Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, gia đình tôi mới biết diện tích đất thực tế hiện nay đang có tranh chấp có diện tích là 241,5m² chứ không phải là 328,5m² như trước. Vì vậy, yêu cầu Tòa án xác định 241,5m² đất hiện đang có tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình và yêu cầu gia đình ông Thuỷ phải trả lại diện tích đất nêu trên”.

* Tại các bản tự khai ngày 28/6/2016; biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2016 và các bản tự khai bổ sung, bị đơn là ông Trần Xuân Th và bà Đinh Thị O trình bày:

Năm 1980, gia đình ông Trần Văn Tr là bố đẻ ông Trần Xuân Th có khai phá một diện tích khoảng 4.500m² đất ở tại thôn TL7, xã HĐ và sử dụng để trồng sắn, chè. Đến năm 1992, gia đình ông Tr đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên một phần diện tích đất đã khai phá. Phần đất còn lại

khoảng 2.000m² ông Trường đã cho ông Trần Xuân Th sử dụng. Năm 2001, ông Th đã trồng cây bồ đề trên diện tích đất này. Năm 2002, ông Th đã được Ủy ban nhân dân huyện YB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 2.000m² đất, bao gồm cả 328,5m² đất đang có tranh chấp với gia đình bà Phạm Thị C (BL 53). Đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp, trước đây vào năm 1993, anh trai ông Th là ông Trần Quang Ng đã cho ông Ph, bà C mượn 20m² đất nằm phía dưới ven đường để làm quán sửa xe đạp. Sau một thời gian ngắn, ông Ph và bà C đã dỡ quán để đất không. Năm 2001 khi gia đình ông trồng cây trên đất thì xảy ra tranh chấp với gia đình bà Cương. Việc tranh chấp giữa hai gia đình đã được chính quyền địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không thành do bà C vẫn cho rằng đây là đất của nhà bà và yêu cầu gia đình ông trả lại đất. Trên mảnh đất hiện đang tranh chấp trước đây anh Lê Văn Ng chồng chị Đặng Thị B có trồng 01 bụi tre gai làm ranh giới giữa hai nhà, đến nay vẫn còn.

Ông Trần Xuân Th không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C mà cho rằng đây là đất do gia đình ông khai phá, sử dụng từ trước, đã được Nhà nước công nhận nên thuộc quyền sử dụng của gia đình ông, không phải của gia đình bà Phạm Thị C.

- Tại văn bản số 1450/ UBND-TNMT ngày 13 tháng 12 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện YB cung cấp: *"Sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và nội dung bà Phạm Thị C khởi kiện có liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho các cơ quan chức năng rà soát lại trình tự, thủ tục cấp và quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01485/QĐ458/UBH ngày 19/11/2002. Qua công tác rà soát đã phát hiện có sai phạm trong trình tự xác minh nguồn gốc đất và thủ tục cấp đất. Vì vậy ngày 08 tháng 12 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện đã ra Quyết định số 1078/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01485/QĐ458/UBH ngày 19/11/2002 đã cấp cho gia đình ông Trần Xuân Th nêu trên".* Do vậy, bà C đã rút yêu cầu Tòa án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V587737, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01485 QSDĐ/QĐ458/UBH ngày 19/11/2002 của Ủy ban nhân dân huyện YB cấp cho hộ ông Trần Xuân Th.

Những người làm chứng trong vụ án có lời khai:

- Ông Lê Văn Qu, Nguyễn Quang Tr, Hoàng Đình V, bà Đỗ Thị N, ông Nguyễn Tiên Xạ đều xác định khu đất có tranh chấp hiện nay trước đây là của Hợp tác xã bỏ hoang. Khoảng năm 1990, gia đình ông Ph, bà C ra đánh đất làm nhà và trồng cây trên diện tích đất hiện đang có tranh chấp. Trong đó có ông V, ông Qu là những người đã giúp san nền tạo mặt bằng. Gia đình bà C sinh sống trên đất này đến khi ông Phóm nặng thì chuyển về gần nhà mẹ đẻ ông Ph sinh sống, nhưng nền quán và cây cối vẫn còn.

- Bà Trần Thị Ch Trần Ngọc Nh; Lê Anh T; An Văn Ch; Hoàng Thị M; Nguyễn Xuân S; Trần Thị O; Lê Văn Th; Hoàng Văn B; Nguyễn Văn L đều xác nhận diện tích đất đang có tranh chấp từ trước đều do gia đình ông Trần Xuân Th sử dụng để trồng cây. Các ông An Văn Ch; Trần Ngọc Nh khai vào năm 1993, ông Trần Văn Ng là anh trai ông Th có cho ông Phúc, bà C mượn đất làm

quán bán hàng. Bà Đặng Thị B khai phần đất hiện đang tranh chấp là của gia đình ông Trần Xuân Th, giáp ranh với đất của nhà bà. Trước đây chồng bà là ông Lê Văn Ng (đã chết) có trồng 03 bụi tre gai ở giáp ranh nhưng đến năm 2008 gia đình đã mướn đi 01 bụi; bị sạt đất mất 01 bụi nên trên đất hiện tại còn 01 bụi tre gai. Tuy nhiên, bà không tranh chấp bụi tre này với bà C và ông Thủy, ai sử dụng cũng được.

- Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 23/9/2016 các ông Phan Trọng C; ông Nguyễn Tiến X; ông Nguyễn Kim Tr; ông Nguyễn Văn T là những cán bộ công tác tại Ủy ban nhân dân xã HĐ từ những năm 1990 và trực tiếp đi thu thuế nhà đất của xã cùng với cán bộ phòng thuế của huyện là bà Trần Thị Kim L đều cung cấp các nội dung: Năm 1990 do mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên ông Ph và bà C đã ra làm quán bán hàng và sửa xe đạp tại khu vực đất đang có tranh chấp hiện nay. Hàng năm gia đình bà C vẫn nộp thuế đất ở và đất vườn tạp trong đó đất ở từ năm 1990-1992 là 60m². Từ năm 1993, đất ở phải nộp thuế là 80 m² do gia đình bà C coi nói thêm, còn đất vườn tạp vẫn đóng trên 360m² do gia đình sử dụng. Đến năm 2000 do ông Ph ốm nặng nên gia đình bà C chuyển về sống cạnh nhà mẹ đẻ ông Ph nhưng vẫn nộp thuế sử dụng đất đến hết năm 2003. Ông Nguyễn Văn T còn khai thêm: Thời điểm năm 2002, ông là trưởng thôn TL7, gia đình ông Trần Xuân Th làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích đang có tranh chấp hiện nay đã không thông qua các tài liệu tại thôn, chữ ký của trưởng thôn trong bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Thủy không phải là chữ ký của ông.

- Ông Hà Xuân Ái - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HĐ từ năm 1984 đến 2004 cung cấp: Năm 1989, gia đình ông Phúc, bà C có báo cáo với Ủy ban nhân dân xã về mâu thuẫn gia đình và xin Ủy ban nhân dân xã cho ra ở để canh tác và làm quán bán hàng, sửa xe đạp. Khi đó ông đại diện Ủy ban nhân dân xã đã nhất trí cho vợ chồng ông Phúc, bà C ra ở và canh tác trên diện tích đất đang có tranh chấp hiện nay. Khi đó diện tích đất cấp cho ông Ph, bà C và cả phần đất hiện nay anh Thủy đang sử dụng đều thuộc quyền quản lý của Hợp tác xã chứ không phải do gia đình ông Th khai hoang. Việc cho ông Ph, bà C sử dụng đất khi đó cũng chỉ nói miệng chứ không làm văn bản nhưng trong quá trình sử dụng đất gia đình bà C vẫn nộp thuế sử dụng đất ở và đất vườn tạp từ năm 1989 đến hết năm 2003 thì Ủy ban nhân dân không thu thuế của gia đình bà C nữa do đất có tranh chấp với gia đình ông Th.

- Tại Báo cáo số 13/CB-UBND ngày 16/9/2016, Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện YB cung cấp: Thời gian trước năm 1990 khu vực đất đang có tranh chấp do HTX Hán Đà quản lý. Năm 1990, hộ ông Trần Ngọc Phúc, bà Phạm Thị C có làm nhà giáp đường quốc lộ để ở và làm quán bán hàng, sửa xe đạp. Sau khoảng 3-4 năm thì không làm quán nữa nhưng thỉnh thoảng cho gia đình ông Lê Ngọc Q, ông Nguyễn Văn T mượn đất để tập kết gỗ. Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai hộ nhà bà Phạm Thị C và ông Trần Xuân Th chính thức được xác nhận là ngày 09/6/2002 do khi đó Công an viên thôn TL7 đã triệu tập hai gia đình đến để giải quyết, nhưng hoà giải không thành. Ngày 26/8/2002 gia đình ông Th có đề nghị cán bộ địa chính lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong

đó có cả phần đất đang có tranh chấp. Ngày 29/11/2002, Ủy ban nhân dân huyện YB đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Trần Xuân Th.

Về việc thu thuế nông nghiệp: Ủy ban nhân dân xã HĐ xác định không thu thuế của hộ ông Trần Xuân Th tại khu vực đất đang có tranh chấp.

Những người công tác trước đây trong lĩnh vực thu thuế đều xác định gia đình bà Phạm Thị C đã nộp thuế từ năm 1989 đến năm 2003 trên diện tích đất làm quán và vườn tạp tại khu đất gần ngã ba đường đi từ quốc lộ 37 vào thôn Hán Đà 2.

Theo hồ sơ thu thuế của xã thì không thể xác định được hộ gia đình bà C đã nộp thuế tại vị trí đất đang có tranh chấp vì từ năm 1994 nhà bà C còn sử dụng đất thổ cư cách vị trí đất hiện nay đang có tranh chấp khoảng 200m.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/09/2016, đại diện Ủy ban nhân dân xã HĐ huyện YB cung cấp: Hộ gia đình bà Phạm Thị C và gia đình ông Trần Xuân Th đã tranh chấp quyền sử dụng đất từ trước năm 2000. Trước khi xảy ra tranh chấp thì hộ bà Phạm Thị C là người sử dụng đất ở và đất vườn tạp trên phần đất hiện đang có tranh chấp, gia đình bà C có đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với phần diện tích đất do nhà bà sử dụng. Việc thu nộp thuế hàng năm do cán bộ Chi cục thuế huyện đi thu. Ủy ban nhân dân xã chỉ cử cán bộ đi cùng hỗ trợ việc thu thuế. Theo quy định của Pháp lệnh thuế đất phi nông nghiệp thì gia đình bà C sử dụng đất ở đâu thì phải nộp thuế ở đó. Nên nhà bà C sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp thì việc nộp thuế từ năm 1990 đến năm 2003 là đúng quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/10/2016, đại diện Chi cục Thuế huyện YB cung cấp các thông tin: Vào các năm 1990- 2000, Chi cục Thuế có cử cán bộ là bà Nguyễn Thị Kim Liên thực hiện việc thu thuế sử dụng đất tại xã HĐ. Việc thu thuế tại thời điểm này cơ bản là thu thuế và ghi sổ thuế đã thu vào sổ thuế của các hộ gia đình. Việc thu thuế tại thời điểm từ năm 1990 đến 2000 chủ yếu dựa vào số liệu do người dân tự kê khai. Sử dụng đất ở đâu thì nộp thuế trên diện tích đất đó, không nhất thiết phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi mới phải đóng thuế.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2016/DS-ST ngày 27/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã quyết định:

- Căn cứ Điều 34; khoản 1 Điều 147; Điều 157; 220; 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các Điều 256; 261 Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ các Điều 101; khoản 5 Điều 103; Điều 166; 203 Luật đất đai 2013.

Căn cứ khoản 2 điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn do bà Phạm Thị C làm đại diện: Xử buộc gia đình ông Trần Xuân Th phải trả cho gia đình bà Phạm Thị C 241,5m² đất ở tại thôn TL7, nằm trong diện tích 2.000m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V587737, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01485 QSDĐ/QĐ458/UBH ngày 19/11/2002 của hộ ông Trần Xuân Th (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thu hồi ngày 08/12/2016 theo Quyết định số 1078/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện

YB). Có giáp ranh như sau: Phía Đông giáp đất nhà ông Trần Xuân Th dài 8,8m; Phía Tây giáp đường quốc lộ 70 dài 13,1m; Phía Tây Nam giáp đường vào xóm dài 3,6m; phía Đông Nam giáp đất nhà ông Trần Xuân Th dài 18,9 m; Phía Đông Bắc giáp đất nhà bà Đặng Thị B dài 17,9m. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V587737, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01485 QSDĐ/QĐ458/UBH ngày 19/11/2002 của Ủy ban nhân dân huyện YB cấp cho hộ ông Trần Xuân Th do bà Phạm Thị C rút yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về việc chịu chi phí thẩm định tại chỗ, về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2017, bị đơn trong vụ án là ông Trần Xuân Th có đơn kháng cáo, không nhất trí với việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải trả đất cho gia đình bà Cương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn - ông Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình thêm được chứng cứ nào khác so với những chứng cứ đã xuất trình tại cấp sơ thẩm, đồng thời giữ nguyên lời khai và quan điểm đã trình bày tại tòa án cấp sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham dự phiên tòa có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Căn cứ lời khai của các cán bộ công tác tại UBND xã HĐ thời kỳ những năm 1980 như ông A, ông C, ông X, ông Tr, ông T; Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm; biên bản định giá tài sản... đủ cơ sở xác định diện tích 241,5m² đang tranh chấp có nguồn gốc của Ủy ban nhân dân xã HĐ; năm 1990 Ủy ban nhân dân xã HĐ đã cho phép vợ chồng ông Phúc, bà C ra ở và sử dụng; gia đình bà C đã sử dụng ổn định, không tranh chấp cho tới năm 2002 - đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân huyện YB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th là không chính xác nên đã có Quyết định thu hồi. Bản án sơ thẩm xác định 241,5m² đất thuộc quyền sử dụng của bà C và các đồng nguyên đơn là chính xác. Việc Bản án sơ thẩm xác định án phí không giá ngạch là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Xuân Th và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2016/DS-ST ngày 27/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm

sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Xuân Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Diện tích 241,5m² đất đang tranh chấp ở tại thôn TL7, xã HĐ, huyện YB theo yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn do bà Phạm Thị C làm đại diện nằm trong diện tích 2.000m² đất đã được Ủy ban nhân dân huyện YB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V587737, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01485 QSDĐ/QĐ458/UBH ngày 19/11/2002 cho hộ ông Trần Xuân Th.

[2] Căn cứ Báo cáo số 13/CB-UBND ngày 16/9/2016 của Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện YB; cung cấp của ông Hà Xuân A - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HĐ từ năm 1984 đến 2004; biên bản xác minh ngày 12/10/2016 của Tòa án cấp sơ thẩm với đại diện Chi cục Thuế huyện YB; biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 23/9/2016 với các ông Phan Trọng C, ông Nguyễn Tiến X, ông Nguyễn Kim Tr, ông Nguyễn Văn T - là những cán bộ công tác tại Ủy ban nhân dân xã HĐ từ những năm 1990 và trực tiếp đi thu thuế nhà đất của xã cùng với cán bộ phòng thuế của huyện là bà Trần Thị Kim L; sổ thu thuế nông nghiệp (BL 76) và sổ thu thuế sử dụng đất nông nghiệp - nhà đất - các khoản đóng góp khác dùng cho hộ gia đình (BL 177) mà Tòa án cấp sơ thẩm thu thập... đều phù hợp với lời khai của bà Phạm Thị C (nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn). Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Khoảng năm 1989 - 1990 vợ chồng ông Ph và bà C được sự đồng ý của đại diện Ủy ban nhân dân xã HĐ đã ra khu vực đất có tranh chấp hiện nay để sinh sống, mở quán bán hàng, sửa xe đạp và canh tác là sự thực. Trong quá trình sử dụng đất gia đình bà C vẫn nộp thuế sử dụng đất ở và đất vườn tạp từ năm 1989 đến hết năm 2003 thì Ủy ban nhân dân không thu thuế của gia đình bà C nữa do đất đang có tranh chấp với gia đình ông Thủy.

[3] Xét quan điểm của phía bị đơn là ông Th và bà O: Ông Th cho rằng diện tích đất đang tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện YB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích 2.000m² trong đó có cả diện tích đang tranh chấp với bà C và các đồng nguyên đơn. Tuy nhiên, sau khi thanh tra lại toàn bộ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Th vào năm 2002, đối chiếu với việc sử dụng đất của gia đình ông Th bà O hiện nay, Thanh tra huyện YB đã có Kết luận thanh tra số 07/KL-TTr ngày 28/11/2016 xác định việc lập hồ sơ chưa bảo đảm chính xác cụ thể như: Biên bản xác định ranh giới, mốc giới, diện tích thửa đất của hộ gia đình ông Trần Văn Th tại thôn TL7 không đúng với thực tế ranh giới, vị trí sử dụng đất của hộ gia đình ông Th. Trên cơ sở đó, ngày 08/12/2016 Ủy ban nhân dân huyện YB đã ra Quyết định số 1078/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.000m² đã cấp cho hộ gia đình ông Th trước đây. Ngoài ra, còn có lời khai của một số người làm chứng là hàng xóm như các ông bà: Trần Thị Ch, Trần Ngọc Nh, Lê Anh T, An Văn Ch, Hoàng Thị M, Nguyễn Xuân S, Trần Thị O, Lê Văn Th, Hoàng Văn B, Nguyễn Văn L... cho rằng trước đây gia đình ông Th sử dụng đất để trồng cây; ông An Văn Ch; Trần Ngọc Nh khai vào năm 1993, ông Trần Văn Ng là anh trai ông Th có cho ông Ph, bà C mượn đất làm quán bán hàng xong không có các chứng cứ xác thực để chứng minh.

[4] Do vậy, bản án sơ thẩm nhận định: Tính đến trước ngày 09/6/2002, gia đình bà C đã sử dụng đất ổn định, lâu dài và không có tranh chấp nên đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 điều 3 Nghị định số 54/2000/NĐ-CP ngày 11/2/2000 về thi hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai và điểm b mục 4 chương 2 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/201 của Tổng cục địa chính về hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và đăng ký quyền sử dụng đất là có cơ sở; đồng thời áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 2013 và Bộ luật Dân sự năm 2005 xác lập quyền sử dụng 241,5m² đất cho bà C và các đồng nguyên đơn, buộc gia đình ông Th phải trả lại quyền sử dụng diện tích đất này cho bà C là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Th không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Xuân Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2016/DS-ST ngày 27/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái như sau:

- Căn cứ Điều 34; khoản 1 Điều 147; Điều 157; 220; 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 256; 261 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 101; khoản 5 Điều 103; Điều 166; 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn do bà Phạm Thị C làm đại diện: Xử buộc gia đình ông Trần Xuân Th phải trả cho gia đình bà Phạm Thị C 241,5m² đất ở tại thôn TL7, nằm trong diện tích 2.000m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V587737, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01485 QSDĐ/QĐ458/UBH ngày 19/11/2002 của hộ ông Trần Xuân Th (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thu hồi ngày 08/12/2016 theo Quyết định số 1078/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện YB*). Có giáp ranh như sau: Phía Đông giáp đất nhà ông Trần Xuân Th dài 8,8m; Phía Tây giáp đường quốc lộ 70 dài 13,1m; Phía Tây Nam giáp đường vào xóm dài 3,6m; phía Đông Nam giáp đất nhà ông dài 18,9m; Phía Đông Bắc giáp đất nhà bà Đặng Thị B dài 17,9m. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Xuân Th phải nộp 200.000đ án phí phúc thẩm. Cho đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Th đã nộp tại

Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái theo phiếu thu số AA/2013/05464 ngày 18/01/2017.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Cục THADSTP tỉnh Yên Bái;
- Lưu HSYA, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh